

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HS-ST
Ngày 22-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim.

Ông Hoàng Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 và Thông báo về việc tạm ngừng phiên tòa số 14/2019/TB-TA ngày 18/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Xuân C** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/6/ 1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Cầu T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Đoàn thể: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bó đẻ: Đặng Xuân A9, sinh năm 1969; Mẹ đẻ: Phạm Thị H9, sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại Bản án số 43 ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong án phạt tù ngày 21/4/2019.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 28 ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm Cải tạo không giam giữ “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Tại Bản án số 63 ngày 06/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 28 ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân

huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, buộc phải chấp hành chung của hai bản án 02 năm 07 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 26/01/2017.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1962 (Có mặt phiên tòa ngày 18/11/2019, vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/11/2019).

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Ủy quyền cho ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1962 (Chồng bà K).

Điều cư trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Xuân C- sinh năm 1997, trú tại: thôn Cầu T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên và chị Đồng Thị - sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn có quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng tháng 7 năm 2019, C đến phòng trọ của chị S thuê trọ tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang ở cùng chị S và chờ xin việc làm. Do chưa tìm được việc làm và không có tiền chi tiêu nên C nảy sinh ý định đi lang thang xem có gia đình nào sơ hở thì trộm cắp tài sản mang đi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 23 giờ ngày 04/7/2019, C một mình đi bộ từ phòng trọ của chị S đến khu vực phía trước cửa hàng bán tạp hóa của gia đình ông Nguyễn Quang V- sinh năm 1962 ở thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (cách phòng trọ của chị S khoảng 100m và giáp với nhà ở của gia đình ông V). Quan sát thấy cửa hàng của gia đình ông V đã đóng cửa, tắt đèn điện, tường rào bao quanh khu vực nhà ở của gia đình ông V cao 2,3m có thể trèo qua vào bên trong được nên C đi đến khu vực bờ tường rào phía Nam (đoạn tiếp giáp với sân), nhảy cả người lên rồi sử dụng hai tay bám lên đỉnh bờ tường rào, sau đó đặt một chân lên bờ tường lấy đà trèo lên đỉnh bờ tường và nhảy vào bên trong khu vực sân của gia đình ông V. Khi vào bên trong sân, C quan sát thấy có 02 chiếc xe ô tô và 01 chiếc xe mô tô dựng ở sân nên C đi đến chỗ để xe ô tô và mô tô lục soát tìm kiếm tài sản để trộm cắp nhưng không trộm cắp được tài sản gì. C quan sát thấy ở phía trên cửa xếp vào gian bán hàng có ô thoáng được hàn bằng sắt có thể chui được vào bên trong gian bán hàng nên C tiếp tục trèo lên đỉnh bờ tường, trèo lên phía trên cửa xếp, sau đó chui qua ô thoáng phía trên vào bên trong gian bán hàng và trèo qua giá sắt để hàng xuống dưới nền gian bán hàng. C đi đến chỗ để chiếc hòm tôn (gia đình ông V sử dụng để đựng tiền bán hàng và thẻ nạp điện thoại) để trên giá bán hàng, quan sát thấy hòm tôn không khóa nên C dùng tay mở nắp hòm ra. Khi mở nắp hòm ra thấy bên trong có nhiều tờ tiền Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam có mệnh giá khác nhau và nhiều thẻ nạp điện thoại, C dùng tay lấy toàn bộ số tiền và thẻ nạp điện thoại có ở trong hòm rút vào bên trong túi quần đang mặc rồi trèo ra bên ngoài theo lối lách vào. C đi bộ đến khu vực nghĩa địa ở gần đó thì dừng lại, bỏ tiền và thẻ điện thoại vừa trộm cắp được của gia đình ông V ra đếm và cộng lại được tổng cộng số tiền 2.300.000 đồng và số thẻ nạp điện thoại có tổng giá trị là 2.500.000 đồng. Sau đó, C mang theo toàn bộ tài sản trộm cắp được đi bộ ra đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang bắt xe ô tô khách đi về nhà ở thôn Cầu T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Sáng ngày 05/7/2019, C đã cho bạn là anh Nguyễn Văn Thắng- sinh năm 1988, trú tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 01 thẻ nạp điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng, C nạp 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng vào điện thoại của mình để sử dụng, số thẻ còn lại C rút trong túi quần sau đó đã bị rơi mất hết. Số tiền 2.300.000 đồng, C đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 09/7/2019, ông Nguyễn Quang V có đơn trình báo gửi đến Công an huyện Việt Yên. Cùng ngày, Đặng Xuân C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đầu thú và giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ bằng nhựa màu đen, số Imei 359493059345843, bên trong lắp sim thuê bao 0378643511; 01 đôi dép nhựa màu xanh.

Hồi 08 giờ ngày 11/7/2019, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Xuân C tại thôn Cầu T, xã T, huyện Y, tỉnh Hải Dương. Kết quả khám xét đã thu giữ tại tủ quần áo của C 01 chiếc quần sooc bò màu xanh đen, trên hai ống quần có nhiều vết rách.

Theo trình bày của ông Nguyễn Quang V thì đêm ngày 04/7/2019, gia đình ông V bị kẻ gian vào bên trong gian bán hàng lấy đi toàn bộ số tiền khoảng 4.000.000 đồng và thẻ điện thoại các loại có tổng giá trị khoảng 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời khai của ông V chỉ là ước lượng, cuối ngày 04/7/2019 gia đình ông V không kiểm đếm, ông V không khẳng định được số tiền và thẻ nạp điện thoại bị mất cụ thể là bao nhiêu.

Khi cho anh Nguyễn Văn Thắng thẻ nạp điện thoại, C không nói cho anh Thắng biết về nguồn gốc thẻ nạp điện thoại đó là do C phạm tội mà có nên anh Thắng không vi phạm pháp luật.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia do C giao nộp là điện thoại của C. C đã nạp 01 thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng vào chiếc điện thoại này để sử dụng. Đôi dép nhựa màu xanh do C giao nộp và chiếc quần sooc bò thu giữ khi khám xét khẩn cấp là đôi dép C đi và quần C mặc khi thực hiện trộm cắp tài sản của gia đình ông V.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Quang V yêu cầu Đặng Xuân C phải bồi thường cho gia đình ông toàn bộ số tài sản bị can đã trộm cắp của gia đình ông.

Bản Cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 23/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy đã tố bị cáo Đặng Xuân C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Xuân C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Ông Nguyễn Quang V khai: Ông Đồng ý là đại diện theo ủy quyền của bà K, ông đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về mức hình phạt và mức bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Xuân C từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2019.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đặng Xuân C.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Xuân C phải bồi thường cho ông Nguyễn Quang V, bà Nguyễn Thị K (Do ông Nguyễn Quang V đại diện) số tiền 4.800.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số Imei 359193059345843, bên trong lắp sim số điện thoại 0378463511, do C giao nộp là điện thoại của C. C không sử dụng vào mục đích phạm tội, tại phiên tòa bị cáo C không đề nghị được xin lại nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với đôi dép nhựa màu xanh do C giao nộp và chiếc quần soóc bỏ thu giữ khi khám xét khẩn cấp là đôi dép C đi và quần C mặc khi thực hiện trộm cắp tài sản của gia đình ông V, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Xuân C.

Bị cáo C tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị hại là bà Nguyễn Thị K vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Quang V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại gian bán hàng tạp hóa của gia đình ông Nguyễn Quang V - sinh năm 1962 ở thôn Vân Cốc 3, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Đặng Xuân C đã có hành vi trộm cắp của gia đình ông V số tiền 2.300.000 đồng và thẻ nạp điện thoại các loại có tổng trị giá 2.500.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản C đã trộm cắp của gia đình ông V là 4.800.000 đồng (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

Như vậy hành vi của Đặng Xuân C đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên và bản Luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tại phiên tòa đã truy tố bị cáo Đặng Xuân C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan đối với bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự công cộng, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Tòa án xét thấy cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt theo Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Tại Bản án số 28 ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm Cải tạo không giam giữ “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Tại Bản án số 63 ngày 06/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 28 ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, buộc phải chấp hành chung của hai bản án 02 năm 07 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 26/01/2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận có sử dụng hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 300.000 đồng của con gái ông T là chủ nhà trọ của chị S (người yêu bị cáo). Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh, lấy lời khai của các bên liên quan nhưng thể hiện không có việc trình báo của phía bị hại đến cơ quan có thẩm quyền và gia đình bị hại cũng thừa nhận

không mất mát gì, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét hành vi này của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo ra đầu thú. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Do gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình. Nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, và tại phiên tòa gia đình ông Nguyễn Quang V cho rằng bị cáo chiếm đoạt số tiền khoảng 11 triệu đồng (Trong đó có 4 triệu đồng tiền mặt và 7 triệu đồng tiền sim thẻ các loại), bị cáo C không thừa nhận số tiền chiếm đoạt như phía bị hại đưa ra, bị cáo thừa nhận chỉ chiếm đoạt số tiền 4,8 triệu đồng. Tòa án đã cho các bên đối chất nhưng các bên giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Hội đồng xét xử thấy rằng ngoài lời khai của gia đình bị hại thì không còn chứng cứ nào chứng minh số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 11 triệu đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 4.800.000 đồng như đại diện Viện kiểm sát đưa ra là có căn cứ.

[9] Tại phiên tòa ngày 18/11/2019 bị cáo C khai trước khi phạm tội, bị cáo có thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 300.000 đồng tại phòng của con gái ông bà T (là chủ nhà trọ của chị S là người yêu bị cáo) và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp gia đình ông Nguyễn Quang V bị cáo có nói cho anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988, cư trú tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên biết. Tại phiên tòa ngày 22/11/2019 bị cáo C cho rằng do hoảng loạn nên bị cáo mới khai vậy. Nay bị cáo xác định bị cáo không nói cho anh Th biết hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo không biết đó là phòng của con gái ông bà T (là chủ nhà trọ của chị S là người yêu bị cáo). Theo lời khai của anh Nguyễn Văn Th trong hồ sơ vụ án thì anh Th cũng thừa nhận không có việc C nói cho biết về hành vi phạm tội của C sau khi trộm cắp tài sản của gia đình ông V. Đồng thời qua xác minh đối với ông Dương Văn T (vợ là H) thì gia đình ông T cho rằng không mất tài sản gì và Công an xã Vân Trung cũng xác định không có việc nhận được đơn trình báo của anh T. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu có căn cứ sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[10] Về vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số Imei 359193059345843, bên trong lắp sim số điện thoại 0378463511, do C giao nộp là điện thoại của C. C không sử dụng vào mục đích phạm tội, tại phiên tòa bị cáo C không đề nghị được xin lại nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với đôi dép nhựa màu xanh do C dao nộp và chiếc quần soóc bò thu giữ khi khám xét khẩn cấp là đôi dép C đi và quần C mặc khi thực hiện trộm cắp tài sản của gia đình ông V, các tài sản này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Do gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Xuân C 12(mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đặng Xuân C.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đặng Xuân C phải bồi thường cho ông Nguyễn Quang V, Bà Nguyễn Thị K (Do ông Nguyễn Quang V đại diện) số tiền 4.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số Imei 359193059345843, bên trong lắp sim số điện thoại 0378463511.

Tịch thu tiêu hủy: Đôi dép nhựa màu xanh, chiếc quần soóc bò.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Xuân C.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Văn Quang